BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-BCT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

TỜ TRÌNH

(Dự thảo)

Về việc thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Điều 41a Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 (được bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 77/2025/QH15); Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15) và Điều 20 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Bộ Công Thương kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sau đây viết tắt là Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ hoặc Quỹ), với các nội dung chủ yếu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP QUỸ THÚC ĐẨY SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

1.1 Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với một số quan điểm và chỉ đạo về tiết kiệm năng lượng:

+ Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường phải được xem là quốc sách quan trọng và trách nhiệm của toàn xã hội.

+ Xây dựng các công cụ hỗ trợ tài chính về thuế, đất đai, lãi vay, cơ chế bảo lãnh vay vốn cho doanh nghiệp có các dự án về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Xây dựng cơ sở pháp lý để có thể hình thành và vận hành hiệu quả các quỹ về phát triển năng lượng bền vững, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hoá.

- Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với quan điểm chỉ đạo về tiết kiệm năng lượng:

+ Khuyến khích đầu tư và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, giảm phát thải, bảo vệ môi trường, thúc đẩy tăng năng suất lao động và đổi mới mô hình tăng trưởng, coi đây vừa là quyền lợi vừa là trách nhiệm của toàn xã hội; khuyến khích đầu tư và sử dụng công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

+ Nghiên cứu, hình thành quỹ về phát triển năng lượng bền vững để thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường; đẩy mạnh xã hội hóa.

- Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12:

Điều 41. Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Dự án thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được xem xét, hỗ trợ kinh phí từ Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; đầu tư dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng được ưu đãi, hỗ trợ như sau:

a) Các ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Các ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Phát triển, Quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ bảo vệ môi trường và được hỗ trợ từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

d) Các ưu đãi khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

3. Phương tiện, thiết bị, phụ tùng, vật tư phục vụ cho hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ tiết kiệm năng lượng; sản phẩm tiết kiệm năng lượng, các loại phương tiện giao thông tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng khí hoá lỏng, khí thiên nhiên, điện, nhiên liệu hỗn hợp, sinh học mà trong nước chưa sản xuất được và thuộc danh mục do Chính phủ quy định được miễn, giảm thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 77/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Tại điểm 19, Điều 1 có nêu: Bổ sung Điều 41a vào sau Điều 41 như sau:

"Điều 41a. Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

2. Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác để thực hiện chức năng thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn cả nước.

3. Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có mục tiêu hỗ trợ, tài trợ cho dự án, nhiệm vụ, hoạt động thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ chế linh hoạt theo yêu cầu của nhà tài trợ và quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hoá, bảo đảm độc lập về tài chính, không trùng lặp với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước và hạn chế việc làm tăng chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

5. Chính phủ quy định nguồn vốn của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025:

+ Điểm 23 Điều 4 quy định: "Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.".

+ Điểm 10 Điều 8 quy định: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí cho các quỹ thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng chính sách, pháp luật theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước.

- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

- Điều 40 quy định trình tự thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn khi bố trí vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trình tự này bao gồm các bước trình đề xuất, thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền và giải ngân theo kế hoạch trung hạn đã được phê duyệt.

- Điều 41 quy định trình tự thực hiện kế hoạch đầu tư công hằng năm về việc bố trí vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Quy định trình tự các bước cần thực hiện để bảo đảm việc bố trí vốn kịp thời, đúng pháp luật trong chu kỳ ngân sách hằng năm, phù hợp với ưu tiên đầu tư chung và khả năng tài chính của ngân sách nhà nước.

- Điều 20 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, có quy định:

"1. Vốn chủ sở hữu bao gồm:

a) Vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp từ nguồn vốn đầu tư công theo quy định hiện hành;

b) Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện không phải hoàn trả của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

c) Vốn bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ theo quy định;

d) Các nguồn vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Vốn huy động từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với khả năng hoàn trả của Quỹ.

3. Vốn nhận ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

4. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế tài chính, vốn điều lệ đối với Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả."

- Nghị định số 351/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương.

- Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác (Luật Quản lý tài sản công, Luật các tổ chức tín dụng, các Luật Thuế và đặc biệt là các quy định về ủy thác trong Bộ luật Dân sự và các văn bản hướng dẫn Bộ luật Dân sự, v.v…).

1.2 Cơ sở thực tiễn

Nhu cầu năng lượng của đất nước đang tăng nhanh, tạo áp lực lớn lên an ninh nguồn cung, đòi hỏi mức đầu tư cao cho công suất phát điện mới và làm gia tăng phát thải khí nhà kính. Tiết kiệm năng lượng được xem là "giải pháp nhiên liệu đầu tiên", có chi phí thấp nhất để giải quyết những thách thức này, song mức đầu tư hiện nay vào tiết kiệm năng lượng vẫn còn thấp hơn đáng kể so với tiềm năng kỹ thuật và kinh tế của nền kinh tế.

Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (Luật số 50/2010/QH12), ban hành từ năm 2010, đã có quy định ưu đãi đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại Điều 41 như sau:

"1. Dự án thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được xem xét, hỗ trợ kinh phí từ chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; đầu tư dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng được ưu đãi hỗ trợ như sau:

a) Các ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Các ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng phát triển, Quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ bảo vệ môi trường và được hỗ trợ từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

d) Các ưu đãi khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan."

Tuy nhiên, sau 16 năm thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (2010), đến nay chưa có doanh nghiệp, tổ chức hay cá nhân nào được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB), hoặc từ Quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ (đến nay Bộ Công Thương chưa thành lập quỹ này), Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia hay Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam. Các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cũng ít nhận được hỗ trợ về tín dụng, tài chính. Thực tế đó cho thấy một số bất cập cần được kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Bên cạnh đó, việc huy động các nguồn lực cho chuyển đổi công nghiệp xanh, bền vững, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng tại Việt Nam thời gian qua còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường. Doanh nghiệp sản xuất trong nước còn thiếu các cơ chế tài chính hỗ trợ tuân thủ các quy định xanh, làm giảm tính cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam khi thâm nhập thị trường quốc tế. Các rào cản chính bao gồm: (i) hạn chế tiếp cận nguồn tài chính dài hạn với mức giá phù hợp, đặc biệt đối với dự án tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp và xây dựng; (ii) nhận thức về rủi ro kỹ thuật và hiệu suất trong giới ngân hàng thương mại còn hạn chế; (iii) quy mô dự án nhỏ, phân tán, dẫn đến chi phí giao dịch cao; (iv) năng lực của các nhà phát triển dự án, các công ty dịch vụ năng lượng (ESCO) và người sử dụng cuối cùng trong việc chuẩn bị các dự án khả thi về mặt tài chính còn hạn chế.

Các nguồn hỗ trợ tài chính công hiện có cho hiệu quả năng lượng và năng lượng sạch còn rải rác, chủ yếu dựa trên đầu vào, quy mô nhỏ và có thời hạn; chưa có cơ chế tài trợ có cấu trúc, hướng đến hiệu quả hoạt động để có thể huy động một cách có hệ thống nguồn vốn thương mại quy mô lớn, thu hút tài chính khí hậu quốc tế và chia sẻ rủi ro có mục tiêu cho các khoản đầu tư vào hiệu quả năng lượng.

Cách mạng công nghiệp 4.0 đang tác động toàn diện đến quản lý sản xuất và mô hình kinh doanh, mở ra tiềm năng lớn trong sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên và nguyên vật liệu. Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ khi được thành lập và đi vào hoạt động sẽ là công cụ tài chính thúc đẩy quá trình chuyển đổi phù hợp với trình độ công nghệ mới, đồng thời góp phần thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (thay thế Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023), với các định hướng lớn: (i) mục tiêu tăng trưởng GDP giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 10%/năm; (ii) điều chỉnh, bổ sung cơ cấu nguồn điện đến năm 2030 (điện gió, điện mặt trời, thủy điện) và định hướng phát triển điện hạt nhân (Ninh Thuận 1 và 2, quy mô 4.000 - 6.400 MW giai đoạn 2030 - 2035); (iii) tầm nhìn đến năm 2050 nâng tỷ lệ năng lượng tái tạo lên 74 - 75%, đưa điện than về 0 MW.

Việc thành lập Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ là hết sức cần thiết nhằm thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước; giải quyết các vấn đề thực tiễn trong nước; phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế; đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường các cơ chế khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Việc thành lập Quỹ cũng giúp Việt Nam kịp thời tận dụng, thu hút và huy động các nguồn lực quốc tế để hỗ trợ, thúc đẩy đầu tư tiết kiệm năng lượng và chuyển đổi thị trường các sản phẩm tiết kiệm năng lượng.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 20 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ, theo đó "Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế tài chính, vốn điều lệ đối với Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả", Bộ Công Thương kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập Quỹ Thúc đẩy SDNL TK&HQ với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục đích ban hành, mục tiêu thành lập Quỹ

- Tạo lập cơ chế tài chính độc lập, linh hoạt thông qua các hoạt động huy động vốn, cho vay bán buôn, đầu tư, hỗ trợ và nhận ủy thác, nhằm thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên phạm vi cả nước, phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Tăng cường hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) và các nguồn tài trợ cho nhiệm vụ sử dụng tiết kiệm năng lượng; nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hợp tác công - tư trong lĩnh vực này.

- Nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trước các yêu cầu về quy định xanh của Liên minh châu Âu (Green Deal) như thuế các-bon (ETS),

cơ chế điều chỉnh các-bon xuyên biên giới (CBAM) áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu vào thị trường châu Âu, châu Mỹ, Nhật Bản, v.v...

- Xây dựng các công cụ tài chính, cơ chế ưu đãi, công cụ hỗ trợ lãi vay, cơ chế bảo lãnh vay vốn để hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư các dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

- Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ, giảm cường độ năng lượng trong sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ; khuyến khích phát triển, mở rộng thị trường dịch vụ tư vấn năng lượng phục vụ mục tiêu sử dụng hợp lý các nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định pháp lý hiện hành về tổ chức, vận hành Quỹ.

- Thành lập tổ chức mới nhưng không làm phát sinh biên chế, bảo đảm sử dụng hiệu quả bộ máy hiện có của Bộ Công Thương.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong tổ chức, quản lý và sử dụng Quỹ.

- Gắn kết chặt chẽ việc xây dựng, vận hành Quỹ với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực và đổi mới mô hình tăng trưởng của ngành Công Thương.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phát huy vai trò, trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và doanh nghiệp.

- Kế thừa, phát triển các quy định pháp luật hiện hành về tổ chức và hoạt động của các quỹ tài chính ngoài ngân sách, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

2.1 Vị trí, chức năng của Quỹ

Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Bộ Công Thương, có mục đích sử dụng riêng biệt nhằm thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; góp phần tăng cường thu hút vốn đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân, huy động thêm nguồn tài chính ngoài NSNN cả trong và ngoài nước để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, tạo thêm công cụ thực hiện vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước, khắc phục khiếm khuyết của kinh tế thị trường.

Quỹ được thành lập theo quy định tại Điều 41a Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 77/2025/QH15 và Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12; Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025; Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; và khoản 4 Điều 20 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.

Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, con dấu và bảng cân đối kế toán riêng; được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Trụ sở chính của Quỹ đặt tại thành phố Hà Nội.

2.2 Nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ

a. Huy động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, tài trợ, đóng góp, ủy thác của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các hoạt động tiết kiệm năng lượng (TKNL) trên phạm vi toàn quốc.

b. Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi đối với các dự án sản xuất sản phẩm, vật liệu TKNL, vật liệu xanh, vật liệu xây dựng thân thiện môi trường; đầu tư nâng cấp, cải tạo dây chuyền, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ TKNL; các dự án tối ưu hóa sử dụng năng lượng hoặc hệ thống sản xuất công nghiệp, giảm phát thải khí nhà kính thông qua chuyển đổi nhiên liệu; đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, phát triển công trình xanh; ứng dụng hệ thống năng lượng tái tạo, lưu trữ năng lượng trong công trình.

c. Hỗ trợ lãi suất vay vốn cho các dự án nêu tại khoản 2 nêu trên đã vay vốn từ các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

d. Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật thông qua các tổ chức dịch vụ năng lượng (ESCO), hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực chuyên gia; hỗ trợ doanh nghiệp giảm cường độ năng lượng trong sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu; hỗ trợ đầu tư, mở rộng, nâng cấp, cải tạo, chuyển đổi sang công nghệ, sản phẩm TKNL, giảm phát thải khí nhà kính theo danh mục quy định tại dự thảo Quyết định.

đ. Hỗ trợ chuyển đổi thị trường và quản lý hiệu suất phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng theo quy định của pháp luật hiện hành; hỗ trợ hoạt động kỹ thuật gồm kiểm toán năng lượng, nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, chuyên gia tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ TKNL.

e. Đầu tư theo mục tiêu chính sách quy định tại dự thảo Quyết định.

g. Nghiệp vụ cho vay nêu tại điểm b được thực hiện theo phương thức cho vay bán buôn cho tổ chức tín dụng tham gia để tổ chức tín dụng tham gia cho vay lại khách hàng; nghiệp vụ hỗ trợ lãi suất nêu tại điểm c được Quỹ trực tiếp thực hiện hoặc có thể ủy thác cho tổ chức tín dụng tham gia chi trả; các nghiệp vụ còn lại có thể do Quỹ trực tiếp thực hiện. Tổ chức tín dụng tham gia được lựa chọn theo tiêu chí do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

h. Trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt, ban hành danh mục loại hình dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tiêu chí lựa chọn tổ chức tín dụng tham gia và một số quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

i. Trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định việc áp dụng các nội dung, hình thức hỗ trợ phát sinh trong quá trình hoạt động thuộc phạm vi các nghiệp vụ quy định tại khoản 1 Điều 25 dự thảo Quy định; trường hợp ngoài phạm

vi nêu trên, Bộ trưởng Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

k. Thực hiện các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương giao.

Bên cạnh nhiệm vụ nêu trên, dự thảo Quy định quy định riêng các quyền hạn của Quỹ (tổ chức bộ máy Cơ quan điều hành; kiểm tra việc thực hiện hợp đồng của tổ chức tín dụng tham gia, thu hồi vốn, đình chỉ hoặc chấm dứt hỗ trợ khi vi phạm cam kết; sử dụng vốn nhàn rỗi gửi tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật; trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy định; từ chối cung cấp thông tin không phù hợp quy định; trực tiếp quan hệ với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để kêu gọi, thu hút, huy động vốn bổ sung cho Quỹ) nhằm bảo đảm Quỹ có đủ cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

Theo Báo cáo số 609/BC-CP của Chính phủ về tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2024 và dự kiến kế hoạch tài chính năm 2025 của các quỹ tài chính ngoài ngân sách do trung ương quản lý, Kiểm toán Nhà nước đã khuyến nghị một số quỹ có thể không nhất thiết tổ chức bộ máy riêng mà chỉ cần bộ, ngành xác định tiêu chuẩn, tiêu chí được hưởng ưu đãi từ quỹ và ủy thác qua các ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách để thực hiện cho vay, hỗ trợ theo sứ mệnh của quỹ.

Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương đề xuất Thủ tướng Chính phủ cho phép Quỹ thực hiện nghiệp vụ cho vay theo phương thức cho vay bán buôn qua các tổ chức tín dụng tham gia (ngân hàng thương mại hoặc tổ chức tín dụng phi ngân hàng), đồng thời được ủy thác cho tổ chức tín dụng tham gia có thể chi trả hỗ trợ lãi suất khi cần thiết. Việc cho vay bán buôn và ủy thác qua tổ chức tín dụng tham gia sẽ giúp tiết kiệm biên chế hành chính, sự nghiệp; tiết kiệm chi phí hoạt động của Quỹ; đồng thời sử dụng hiệu quả bộ máy chuyên nghiệp sẵn có của các tổ chức tín dụng, thúc đẩy hợp tác công - tư, tăng khả năng thu hút nguồn tài trợ ODA của các tổ chức tài chính quốc tế (Ngân hàng Thế giới, Liên minh châu Âu...) và huy động thêm nguồn lực từ khu vực kinh tế tư nhân.

2.3 Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

a. Phục vụ mục tiêu chính sách công về thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, không đặt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn theo quy định tại Điều 32 dự thảo Quy định.

b. Bổ trợ, không thay thế thị trường tài chính; không cạnh tranh với các tổ chức tín dụng; không trùng lặp về nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN.

c. Sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, hiệu quả, minh bạch; chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về hoạt động tài chính của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và Kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật.

d. Tổ chức tinh gọn; nghiệp vụ cho vay của Quỹ được thực hiện theo phương thức cho vay bán buôn cho tổ chức tín dụng tham gia, Quỹ được ủy thác

cho tổ chức tín dụng tham gia chi trả hỗ trợ lãi suất; Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, sử dụng bộ máy hiện có của Bộ Công Thương, trừ Kế toán trưởng làm việc theo chế độ chuyên trách; không làm tăng biên chế hành chính, sự nghiệp.

đ. Bảo đảm phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm giữa cơ quan chủ quản, cơ quan quản trị, cơ quan kiểm soát, cơ quan điều hành và tổ chức tín dụng tham gia; hoạt động công khai, minh bạch, bình đẳng, bảo đảm trách nhiệm giải trình và kiểm soát rủi ro.

e. Thực hiện nghĩa vụ thuế đối với thu lãi cho vay bán buôn, lãi tiền gửi, phí nhận ủy thác và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật về thuế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO, LẤY Ý KIẾN VÀ TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được Quốc hội thông qua, Bộ Công Thương đã tổ chức nghiên cứu, đánh giá các mô hình quỹ tiết kiệm năng lượng trên thế giới và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách tại Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất mô hình phù hợp cho Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ để đưa vào dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ.

Hồ sơ dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ đã được Bộ Công Thương chuẩn bị đầy đủ theo quy định, gồm: (i) dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ; (ii) dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; (iii) Bảng thuyết minh nội dung Quyết định; (iv) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến.

Bộ Công Thương đã ban hành Công văn số 4227/BCT-ĐCK ngày 09/6/2026 và Công văn số 5184/BCT-ĐCK ngày 07/7/2026 gửi lấy ý kiến các bộ, ngành (lần 1) đối với hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ về Quyết định thành lập Quỹ. Đến tháng 8/2026, Bộ Công Thương đã nhận được ý kiến tham gia (lần 1) của 08 cơ quan, gồm: Bộ Quốc phòng (Công văn số 3474/BQP-TC ngày 22/6/2026); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Công văn số 5454/NHNN-TD ngày 24/6/2026); Bộ Nội vụ (Công văn số 6452/BNV-TCBC ngày 24/6/2026); Bộ Tài chính (Công văn số 9224/BTC-ĐCTC ngày 01/7/2026); Bộ Tư pháp (Công văn số 5030/BTP-PLDSKT ngày 03/7/2026); Bộ Ngoại giao (Công văn số 5467/BNG-QTTV ngày 06/7/2026); Bộ Xây dựng (Công văn số 11097/BXD-KHCNMT&VLXD ngày 17/7/2026); Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 5332/BKHCN-CN ngày 22/7/2026).

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến các bộ, ngành (lần 1), Bộ Công Thương đã hoàn thiện hồ sơ và ban hành Công văn số 8352/BCT-NLDK ngày 13/10/2026 gửi lấy ý kiến các bộ, ngành (lần 2). Đến tháng 10/2026, Bộ Công Thương đã nhận được ý kiến tham gia (lần 2) của 09 cơ quan, gồm: Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 8197/BKHCN-CN ngày 19/10/2026); Bộ Tư pháp (Công văn số 8322/BTP-PLDSKT ngày 21/10/2026), Bộ Quốc phòng (Công văn số 7911/BQP-TC ngày 21/10/2026); Bộ Ngoại giao (Công văn số 9491/BNG-QTTV ngày 21/10/2026); Bộ Tài chính (Công văn số 16864/BTC-ĐCTC ngày 21/10/2026);

Bộ Nội vụ (Công văn số 12055/BNV-TCBC ngày 21/10/2026); Bộ Xây dựng (Công văn số 17200/ BXD-KHCNMT&VLXD ngày 27/10/2026); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Công văn số 10080/NHNN-TD ngày 30/10/2026) và Bộ Công An (Cục An ninh Kinh tế) (Công văn số 19971/ANKT-ANCT ngày 02/11/2026).

Về cơ bản, các Bộ đều thống nhất với chủ trương của Bộ Công Thương về việc nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ, bảo đảm phù hợp với chủ trương của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 70-NQ/TW; quy định tại Điều 41a Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (được bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 77/2025/QH15) và Điều 20 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP.

Bộ Công Thương đã tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến (Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến lần 2 kèm theo), trong đó chỉnh lý toàn bộ Chương IV dự thảo Quy định về cơ chế quản lý tài chính trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ý kiến chuyên gia.

Bộ Công Thương đã tổ chức các hội thảo tham vấn tại TP. Đà Nẵng ngày 13/8/2026, TP. Hồ Chí Minh ngày 18/9/2026 và tại TP. Hà Nội ngày 20/10/2026 để lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan, đơn vị, các chuyên gia và để hoàn thiện hồ sơ.

Bộ Công Thương đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành và đã ban hành Công văn số … /BCT-NLDK ngày …. đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ; đến nay Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định. Đối với cơ chế quản lý tài chính của Quỹ, trên cơ sở ý kiến góp ý, dự thảo đã được chỉnh lý theo các nguyên tắc: (i) phân định rõ chủ thể chịu rủi ro gắn với quyền thẩm định, quyết định đối với từng nguồn vốn và từng phương thức ủy thác; (ii) tách bạch các khoản chi tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ chuyển đổi thị trường theo đúng bản chất và căn cứ thanh toán của từng khoản chi; (iii) thống nhất phạm vi bảo toàn vốn và khắc phục các mâu thuẫn về thẩm quyền giữa các điều khoản của dự thảo lần đầu; (iv) bổ sung khung quản trị rủi ro tổng thể của Quỹ (tổng mức rủi ro chấp nhận được, ngưỡng cảnh báo) và cơ chế giám sát song song kết quả tiết kiệm năng lượng với kết quả tài chính.

Tại Tờ trình này, Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ các nội dung chủ yếu sau:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ; cơ cấu tổ chức của Quỹ; chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành Quỹ;

- Cơ chế quản lý tài chính, vốn điều lệ ban đầu của Quỹ từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 giao cho Bộ Công Thương;

- Chính sách, công cụ hỗ trợ tài chính để Quỹ thực hiện mục tiêu thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sau đây gọi tắt là Quỹ), bao gồm: vị trí và chức năng, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn, bộ máy quản lý điều hành, nguồn vốn hoạt động, cơ chế quản lý tài chính và trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan đối với tổ chức và hoạt động của Quỹ.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Nội dung Quyết định chính bao gồm 05 điều, phần quy định thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý tài chính gồm 46 điều, 06 chương quy định cụ thể về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; Vị trí, chức năng của Quỹ; Nguyên tắc hoạt động; Nhiệm vụ; Quyền hạn; Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành; Nguồn vốn và kinh phí chi quản lý của Quỹ; cơ chế quản lý tài chính; Trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan.

3. Nội dung cơ bản

3.1 Mô hình tổ chức của Quỹ

Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ chưa quy định cụ thể mô hình hoạt động của Quỹ. Do đó, cần xác định loại hình tổ chức của Quỹ làm căn cứ lựa chọn hệ thống văn bản điều chỉnh mục đích, nguyên tắc hoạt động, cơ cấu tổ chức, nhân sự, chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức được phân công làm việc tại Quỹ.

Trên cơ sở nghiên cứu các mô hình quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hiện có tại Việt Nam, Bộ Công Thương lựa chọn mô hình Quỹ đầu tư phát triển địa phương quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (Quỹ ĐTPTĐP) làm mô hình tham chiếu để đề xuất mô hình Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ, với các điểm chính như sau:

- Về địa vị pháp lý: Quỹ ĐTPTĐP là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chức năng cho vay và đầu tư.

- Về cơ cấu tổ chức: Quỹ ĐTPTĐP có tổ chức bộ máy gồm Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và Ban điều hành (gồm có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc).

- Về phương thức điều hành: Quỹ ĐTPTĐP được tổ chức hoạt động theo một trong hai phương thức: i) thành lập bộ máy quản lý điều hành độc lập, ii) hoặc ủy thác cho tổ chức tín dụng quản lý, điều hành hoạt động.

Điểm khác biệt về hoạt động của Quỹ thúc đẩy SDNL TK&HQ so với mô hình Quỹ ĐTPTĐP là toàn bộ nhân sự quản lý, từ Chủ tịch Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát đến Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và nhân viên các phòng, ban của Quỹ được lựa chọn, sử dụng từ số biên chế hiện có của Bộ Công Thương,

làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (trừ Kế toán trưởng làm việc theo chế độ chuyên trách), không làm tăng biên chế hành chính, sự nghiệp. Về điều hành hoạt động, đối với nghiệp vụ cho vay - nghiệp vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong hoạt động của Quỹ, Quỹ không trực tiếp cho vay đến khách hàng cuối mà thực hiện theo phương thức cho vay bán buôn cho các tổ chức tín dụng tham gia để các tổ chức này cho vay lại khách hàng; tổ chức tín dụng tham gia tự thẩm định, chịu toàn bộ rủi ro tín dụng đối với khách hàng nhưng vẫn phải hoàn trả đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi cho Quỹ, không phụ thuộc vào kết quả thu hồi nợ từ khách hàng; tổ chức tín dụng tham gia được lựa chọn theo tiêu chí do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành, tương tự cơ chế ủy thác quy định tại Điều 14 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP. Nghiệp vụ hỗ trợ lãi suất được Quỹ trực tiếp thực hiện hoặc có thể ủy thác cho tổ chức tín dụng tham gia chi trả khi cần thiết; các nghiệp vụ còn lại (tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ chuyển đổi thị trường, đầu tư chính sách) do Quỹ trực tiếp thực hiện. Việc thực hiện cho vay bán buôn qua tổ chức tín dụng tham gia, bên cạnh việc thúc đẩy hợp tác công - tư, còn nhằm tăng cường khả năng thu hút nguồn tài trợ ODA của các tổ chức tài chính quốc tế và huy động thêm nguồn lực từ khu vực kinh tế tư nhân.

Để bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo, mâu thuẫn giữa nhiều văn bản và thuận tiện cho việc tra cứu, áp dụng, Bộ Công Thương đề xuất hợp nhất toàn bộ nội dung về thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý tài chính và vốn điều lệ của Quỹ vào một Quyết định duy nhất của Thủ tướng Chính phủ, không ban hành riêng Điều lệ tổ chức và hoạt động hay Quyết định riêng về cơ chế quản lý tài chính của Quỹ.

3.2 Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý Quỹ

Trên cơ sở mô hình nêu tại mục 1, Bộ Công Thương đề xuất cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm: Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành.

a. Hội đồng quản lý Quỹ

Là cơ quan lãnh đạo, quyết định chiến lược và giám sát toàn bộ hoạt động của Quỹ, thực hiện quyền hạn của chủ sở hữu Quỹ theo phân cấp, ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ/Bộ trưởng Bộ Công Thương; hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, bảo đảm công khai, minh bạch và tuân thủ pháp luật.

Hội đồng quản lý Quỹ gồm Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và một số ủy viên. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Thứ trưởng Bộ Công Thương hoặc lãnh đạo Cục Năng lượng - Dầu khí (Bộ Công Thương), chịu trách nhiệm chung, điều hành toàn bộ hoạt động và đại diện Hội đồng quản lý Quỹ trước Bộ trưởng Bộ Công Thương; Phó Chủ tịch thứ nhất là lãnh đạo cấp Vụ, Cục của Bộ Công Thương, phụ trách tài chính (huy động vốn, cho vay bán buôn, đầu tư, hỗ trợ lãi suất và các hoạt động tài chính khác của Quỹ); Phó Chủ tịch thứ hai là lãnh đạo cấp Vụ, Cục của Bộ Công Thương, phụ trách kỹ thuật (tiết kiệm năng lượng).

Các Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ là lãnh đạo cấp Vụ, Cục của Bộ Công Thương; Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định danh sách các thành viên và bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ.

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, dự thảo không bố trí thành viên Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện hai cơ quan này; việc phối hợp liên ngành được bảo đảm thông qua cơ chế thống nhất với Bộ Tài chính đối với các nội dung tài chính (khoản 2 Điều 30, khoản 7 Điều 35, khoản 4 Điều 36 dự thảo Quy định) và lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan theo quy định. Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, không làm tăng biên chế hiện có, được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp trách nhiệm theo quy định của pháp luật, chi từ nguồn chi phí vận hành bộ máy của Quỹ (Điều 38 dự thảo Quy định). Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp định kỳ 03 tháng một lần và họp bất thường khi cần thiết; cuộc họp hợp lệ khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự; nghị quyết, quyết định được thông qua khi có trên một nửa (1/2) tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

b. Ban Kiểm soát Quỹ

Ban Kiểm soát gồm Trưởng Ban Kiểm soát và một số thành viên, tổng số không quá 05 người. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

c. Cơ quan điều hành Quỹ

Cơ quan điều hành Quỹ được tổ chức để giúp việc Hội đồng quản lý Quỹ, gồm: Giám đốc Quỹ; 01 đến 02 Phó Giám đốc; Kế toán trưởng; và một số phòng, ban nghiệp vụ (Phòng Kế hoạch - Nguồn vốn, Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Quản lý rủi ro...). Giám đốc, Phó Giám đốc và người làm việc tại các phòng, ban nghiệp vụ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, được bố trí từ công chức, viên chức hiện có của Bộ Công Thương; Kế toán trưởng làm việc theo chế độ chuyên trách, được điều động từ công chức, viên chức hiện có của Bộ Công Thương; việc quản lý, sử dụng nhân sự thực hiện theo pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về viên chức, không làm tăng biên chế hành chính, sự nghiệp.

Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, do Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ quy định sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3.3 Vốn điều lệ của Quỹ

a. Vốn điều lệ và căn cứ xác định mức vốn điều lệ ban đầu

Vốn điều lệ của Quỹ do ngân sách nhà nước cấp. Bộ Công Thương đề xuất mức vốn điều lệ của Quỹ là 500 tỷ đồng từ nguồn vốn đầu tư công, được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của Bộ Công Thương, cấp trong 03 năm (2027 - 2029), đến năm 2029 cấp đủ 500 tỷ đồng; việc tăng vốn điều lệ trong các giai đoạn tiếp theo do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ

sở đề nghị của Bộ Công Thương sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 10 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước.

Về căn cứ xác định nhu cầu vốn điều lệ ban đầu: theo tính toán của Ngân hàng Thế giới, nhu cầu vốn đầu tư cho các dự án tiết kiệm năng lượng tại Việt Nam là rất lớn do nhiều thiết bị, công nghệ trong các ngành công nghiệp đã lạc hậu, kém hiệu quả, hệ thống sản xuất và quản lý chưa được tối ưu hóa để tiết kiệm năng lượng tiêu thụ. Trên cơ sở hiện trạng sử dụng năng lượng, tiềm năng tiết kiệm năng lượng, kế hoạch hành động và tiêu chuẩn ngành, Bộ Công Thương đã xác định nhu cầu đầu tư của một số ngành công nghiệp trọng điểm như sau:

Bảng 1: Nhu cầu đầu tư tiết kiệm năng lượng của một số ngành

Ngành công nghiệp	Nhu cầu đầu tư (triệu USD)	Ghi chú
Xi măng	650	Chỉ tính riêng nhu cầu đầu tư lắp đặt hệ thống thu hồi nhiệt khí thải
Giấy và bột giấy	70	Nhu cầu riêng của Tổng công ty Giấy và Bột giấy Việt Nam
Sắt thép	450	Chỉ tính nhu cầu của các nhà máy sắt thép hiện có
Hóa chất	12	Chỉ ước tính một vài phân ngành hóa chất
Rượu, bia, nước giải khát	230	Khoảng 50 triệu USD trong 5 năm tới và 180 triệu USD trong 5 năm tiếp theo
Tổng số	**1.412**	

Về nhu cầu vốn đầu tư đổi mới trang thiết bị của một số ngành lớn do Bộ Công Thương quản lý:

- Ngành xi măng: mục tiêu giai đoạn 2021 - 2030 chỉ đầu tư xây dựng mới các nhà máy sản xuất clinker công suất trên 5.000 tấn/ngày, gắn với vùng nguyên liệu và hệ thống tận dụng nhiệt khí thải; giảm tiêu hao nhiệt năng xuống dưới 730 kcal/kg clinker và điện năng dưới 90 kWh/tấn xi măng; đến hết năm 2025, 100% dây chuyền clinker công suất trên 2.500 tấn/ngày phải có hệ thống tận dụng nhiệt khí thải. Theo Hiệp hội Xi măng Việt Nam, hơn 40 nhà máy cần lắp đặt hệ thống thu hồi nhiệt thải để phát điện, chi phí bình quân khoảng 2 triệu USD/MW; tổng nhu cầu vốn đầu tư của ngành xi măng khoảng 650 triệu USD.

- Ngành sắt thép: Quyết định số 261/QĐ-TTg ngày 09/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đặt mục tiêu đến năm 2030 sản lượng thép thô đạt

khoảng 25 - 26 triệu tấn/năm, thép thành phẩm đạt khoảng 32 - 33 triệu tấn/năm, thép tiêu thụ bình quân 270 - 280 kg/người/năm, đáp ứng khoảng 80% - 85% nhu cầu trong nước và tăng dần tỷ trọng xuất khẩu, chú trọng công nghệ tiên tiến, thép xanh, thép hợp kim. Nhu cầu đầu tư cho các giải pháp công nghệ tiết kiệm năng lượng của ngành khoảng 9.230 tỷ đồng (450 triệu USD), với mức tiết kiệm năng lượng ước tính khoảng 177 nghìn tấn dầu quy đổi (ktoe)/năm, tương đương khoảng 3.240 tỷ đồng theo giá điện và giá năng lượng nhiệt hiện hành.

- Ngành hóa chất: Quyết định số 726/QĐ-TTg ngày 16/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 định hướng sắp xếp lại cơ sở sản xuất theo hướng tập trung, quy mô; duy trì, phát triển nhà máy công nghệ tiên tiến; hạn chế hình thành mới và loại bỏ cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu, hiệu quả sử dụng tài nguyên thấp. Trên cơ sở đánh giá mức chuẩn, kiểm toán năng lượng và kinh nghiệm các dự án tương tự, tổng vốn đầu tư cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng ngắn và trung hạn của ngành khoảng 12 triệu USD.

Với nhu cầu vốn đầu tư nêu trên, khi doanh nghiệp cần đầu tư đổi mới trang thiết bị sẽ có cơ hội tiếp cận Quỹ để vay vốn, nhận hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ kỹ thuật, qua đó góp phần tháo gỡ rào cản về thị trường tài chính cho lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

Về cơ sở định lượng mức vốn điều lệ ban đầu 500 tỷ đồng: theo thông lệ quốc tế về thiết kế các quỹ tài chính xúc tác cho lĩnh vực năng lượng - khí hậu (Ngân hàng Thế giới, Climate Investment Funds, Convergence Blended Finance), vốn điều lệ nhà nước không nhằm tài trợ toàn bộ nhu cầu thị trường mà đóng vai trò "vốn mồi" để kích hoạt dòng vốn thương mại đi kèm, theo công thức:

Vốn điều lệ ban đầu = Tổng nhu cầu vốn giai đoạn đầu (05 năm) × Tỷ lệ vốn mồi (α)

trong đó α (tỷ lệ vốn mồi/tổng nhu cầu thị trường), theo thông lệ các quỹ tiết kiệm năng lượng/quỹ xanh giai đoạn khởi động, thường ở mức 1,5% - 5%. Áp dụng số liệu tại Bảng 1 (tổng nhu cầu đầu tư tiết kiệm năng lượng của 05 ngành trọng điểm là 1.412 triệu USD, tương đương khoảng 29.000 tỷ đồng), tỷ lệ 500 tỷ đồng/29.000 tỷ đồng ≈ 1,7% - nằm trong dải chuẩn quốc tế (1,5% - 5%). Như vậy, đề xuất vốn điều lệ ban đầu 500 tỷ đồng là hợp lý về mặt định lượng, với điều kiện đi kèm hệ số đòn bẩy tài chính kỳ vọng khoảng 6 - 10 lần (nhờ cơ chế bảo lãnh rủi ro một phần và tài chính kết hợp - Blended Finance), có thể giúp mồi thêm khoảng 3.000 - 5.000 tỷ đồng vốn tư nhân/tín dụng. Đầu năm 2026, Ngân hàng Thế giới đã đề xuất với Bộ Công Thương khoản kinh phí khoảng 200 triệu USD (tương đương khoảng 4.900 - 5.000 tỷ đồng), ủy thác qua các NHTMCP, gấp khoảng 10 lần mức vốn điều lệ 500 tỷ đồng nêu trên - là một dữ kiện thực tế minh chứng cho hiệu ứng đòn bẩy nêu trên. Có thể xây dựng 03 kịch bản đòn bẩy như sau:

Bảng 2: Các kịch bản đòn bẩy vốn điều lệ

Kịch bản	Cơ sở giả định	Hệ số đòn bẩy	Vốn huy động thêm	Tổng vốn Quỹ điều phối
Thận trọng	Tương tự giai đoạn đầu của quỹ tiết kiệm năng lượng tương tự, cơ chế bảo lãnh rủi ro chưa hoàn thiện	1 : 3	~1.500 tỷ đồng	~2.000 tỷ đồng
Cơ sở	Có cơ chế bảo lãnh rủi ro một phần (PRG) từ một phần khoản vay Ngân hàng Thế giới, kèm vốn đối ứng bắt buộc của ngân hàng thương mại	1 : 6-7	~3.000 - 3.500 tỷ đồng	~3.500 - 4.000 tỷ đồng
Kỳ vọng cao	Khai thác trọn gói khoản vay 200 triệu USD của Ngân hàng Thế giới, kèm vốn đối ứng thương mại theo thông lệ PRG quốc tế (1:10-15)	1 : 10	~5.000 tỷ đồng	~5.500 tỷ đồng

Về hiệu quả kinh tế của vốn mồi: sử dụng số liệu đã có tại Báo cáo (ngành thép: đầu tư 9.230 tỷ đồng, tiết kiệm 177 ktoe/năm, giá trị quy đổi 3.240 tỷ đồng/năm), tỷ lệ tiết kiệm/vốn đầu tư của riêng ngành thép khoảng 35%/năm (thời gian hoàn vốn khoảng 2,9 năm); đối chiếu số liệu đánh giá của Chương trình Chuyển đổi Năng lượng (ETP) năm 2022 cho toàn nền kinh tế (4,36 tỷ USD đầu tư, 361 triệu USD tiết kiệm/năm trong chu kỳ 12 năm), tỷ lệ bình quân toàn nền kinh tế khoảng 8,3%/năm. Do danh mục dự án của Quỹ dự kiến ưu tiên các dự án công nghiệp có tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) hấp dẫn, Bộ Công Thương kiến nghị sử dụng giả định thận trọng, hợp lý là tỷ lệ tiết kiệm/vốn bình quân 15% - 20%/năm cho danh mục dự án của Quỹ.

Về lộ trình cấp vốn điều lệ: dự thảo Quyết định xác định vốn điều lệ 500 tỷ đồng được bố trí trong 03 năm (2027 - 2029) từ nguồn vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của Bộ Công Thương; dự kiến lộ trình: năm 2027, NSNN cấp 100 tỷ đồng; năm 2028, NSNN cấp 200 tỷ đồng; năm 2029, NSNN cấp 200 tỷ đồng (đủ mức 500 tỷ đồng). Khoản 100 tỷ đồng dự kiến cấp năm 2027 hiện chưa được bố trí trong kế hoạch đầu tư công năm 2027 của Bộ Công Thương; sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Quỹ, Bộ Công Thương sẽ đề xuất bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch đầu tư công năm 2027 theo quy định tại Điều 40, Điều 41 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP. Việc tăng vốn điều lệ trong các giai đoạn tiếp theo (nếu có), do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ Công Thương sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, căn cứ quy mô hoạt động, nhu cầu vốn, khả năng huy động nguồn lực ngoài NSNN, phương án

tự chủ tài chính, hiệu quả sử dụng vốn và tác động đến cân đối NSNN từng thời kỳ, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 10 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, Bộ Công Thương kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mức vốn điều lệ của Quỹ là 500 tỷ đồng, bố trí trong 03 năm (2027 - 2029) từ nguồn vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của Bộ Công Thương theo lộ trình cấp vốn nêu trên.

Vốn điều lệ được sử dụng chủ yếu để cho vay bán buôn cho tổ chức tín dụng tham gia (Quỹ không chịu rủi ro tín dụng đối với khách hàng cuối) và là đối tượng bảo toàn vốn theo nguyên tắc chung. Để tăng dư địa hỗ trợ trong giai đoạn đầu khi nguồn vốn có ràng buộc mục tiêu và chênh lệch thu chi của Quỹ còn hạn chế, dự thảo Quyết định cho phép sử dụng tối đa 10% vốn điều lệ đã cấp (tính lũy kế từ khi Quỹ đi vào hoạt động) làm nguồn chi hỗ trợ lãi suất, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ chuyển đổi thị trường và đầu tư theo mục tiêu chính sách; hạn mức sử dụng hằng năm và việc phân bổ cho từng nghiệp vụ trong phạm vi 10% này được xác định trong kế hoạch tài chính năm của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt trên cơ sở ý kiến của Bộ Công Thương (riêng nghiệp vụ đầu tư theo mục tiêu chính sách còn phải có đề án riêng do Bộ Công Thương ban hành sau khi thống nhất với Bộ Tài chính). Phần vốn điều lệ được sử dụng theo cơ chế này được theo dõi riêng và loại trừ khi đánh giá bảo toàn vốn hằng năm của Quỹ.

b. Vốn bổ sung hằng năm

Theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ về nguồn vốn của Quỹ, bên cạnh vốn điều lệ ban đầu khoảng 500 tỷ đồng do NSNN cấp, nguồn vốn bổ sung hằng năm của Quỹ gồm: vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện không phải hoàn trả của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; vốn bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ theo quy định; và các nguồn vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ, ngoài vốn điều lệ do NSNN cấp, chủ yếu đến từ nguồn xã hội hóa theo quy định của pháp luật; dự kiến trong thời gian đầu sẽ thu hút nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện không phải hoàn trả từ các đối tác phát triển như Ngân hàng Thế giới (WB), Liên minh châu Âu, Cơ quan Hợp tác Phát triển Đan Mạch, v.v..., hoặc từ các tập đoàn đầu tư tư nhân.

Việc sử dụng nguồn lực này nhằm khuyến khích phát triển thị trường tiết kiệm năng lượng bền vững, bao gồm các tổ chức dịch vụ năng lượng (ESCO) và các nhà cung cấp dịch vụ, công nghệ, thông qua cơ chế hỗ trợ dựa trên hiệu quả hoạt động, qua đó tăng cường năng lực thị trường, thúc đẩy tăng trưởng xanh dài hạn, tận dụng nguồn tài chính thương mại trong nước và nguồn tài chính khí hậu, môi trường quốc tế.

Sau khi Quỹ được thành lập, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tìm giải pháp vay vốn từ các nhà tài trợ, đối tác phát triển phù hợp với quy định pháp luật hiện hành về NSNN và quản

lý nợ công, để bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ. Nguồn lực của Quỹ dự kiến được sử dụng để cho vay với lãi suất ưu đãi, tài trợ hoặc hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đầu tư, thay đổi dây chuyền sản xuất nhằm giảm cường độ tiêu thụ năng lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định liên quan.

3.4 Cơ chế quản lý tài chính của Quỹ

Cơ chế quản lý tài chính của Quỹ được quy định thống nhất tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định (Chương IV, 24 điều, từ Điều 19 đến Điều 42, chia thành 05 Mục), không ban hành văn bản riêng, trên nguyên tắc: (i) phân định rõ từng nhóm nguồn vốn gắn với phạm vi nghiệp vụ được phép sử dụng và chủ thể chịu rủi ro tương ứng; (ii) đối với nghiệp vụ cho vay, gắn quyền thẩm định, quyết định cho vay lại với chủ thể chịu rủi ro tín dụng (tổ chức tín dụng tham gia) theo phương thức cho vay bán buôn; (iii) bảo đảm bảo toàn vốn điều lệ đi đôi với quản trị rủi ro tổng thể; và (iv) minh bạch trong kế hoạch tài chính, báo cáo, giám sát và công khai. Nội dung chủ yếu như sau:

a. Về vốn hoạt động, vòng đời nguồn vốn và quản lý thanh khoản

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm ba nhóm theo đúng Điều 20 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP: vốn chủ sở hữu (trọng tâm là vốn điều lệ 500 tỷ đồng; vốn hình thành từ tài trợ, viện trợ, đóng góp không có ràng buộc mục tiêu; vốn bổ sung từ kết quả hoạt động), vốn huy động và vốn nhận ủy thác. Mỗi nguồn vốn được quản lý thống nhất theo chuỗi "nguồn vốn - nghiệp vụ được phép sử dụng - chủ thể chịu rủi ro - xử lý vốn thu hồi, lãi phát sinh và số dư khi kết thúc"; khoản phát sinh từ nguồn vốn có ràng buộc mục tiêu và vốn nhận ủy thác được theo dõi riêng, không nhập vào doanh thu và kết quả tài chính chung của Quỹ, và được xử lý theo thỏa thuận với bên cung cấp vốn (quay vòng cho cùng mục tiêu, hoàn trả, hoặc chuyển thành vốn chủ sở hữu khi được chấp thuận bằng văn bản).

Về vốn điều lệ: vốn điều lệ được sử dụng chủ yếu để cho vay bán buôn cho tổ chức tín dụng tham gia (Quỹ không chịu rủi ro tín dụng của khách hàng cuối); được dùng tối đa 10% vốn điều lệ đã cấp (tính lũy kế) để thực hiện đồng thời các nghiệp vụ không hoàn lại hoặc có tính rủi ro cao hơn (hỗ trợ lãi suất, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ chuyển đổi thị trường và đầu tư theo mục tiêu chính sách); hạn mức sử dụng hằng năm cho từng nghiệp vụ trong phạm vi 10% này được xác định trong kế hoạch tài chính năm của Quỹ.

Về vốn huy động: Quỹ được huy động vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP, gồm: vay của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; vay của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khác; các hình thức huy động vốn khác từ tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính theo quy định của pháp luật; việc vay vốn nước ngoài của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật. Quỹ không quy định hình thức phát hành trái phiếu; Quỹ tự chịu trách nhiệm hoàn trả, việc huy động vốn không được Chính phủ bảo lãnh. Tổng dư nợ vốn huy động tại mọi thời điểm không vượt quá 03 lần vốn chủ sở hữu thực có (sau khi loại trừ nguồn vốn có ràng buộc mục tiêu) - tương ứng vốn chủ sở hữu bảo đảm tối thiểu 25% tổng nguồn vốn, là mức đòn bẩy thận trọng so

với hệ số an toàn vốn tối thiểu 8% áp dụng với tổ chức tín dụng. Vốn huy động chỉ được dùng để cho vay bán buôn theo cơ chế nêu tại điểm b dưới đây, không được dùng để chi hỗ trợ lãi suất, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ chuyển đổi thị trường hay đầu tư theo mục tiêu chính sách.

Về thanh khoản và rủi ro tỷ giá: Quỹ lập kế hoạch dòng tiền hằng năm và hằng quý, duy trì số dư tiền và tương đương tiền khả dụng tối thiểu bằng 1/4 tổng nghĩa vụ thanh toán dự kiến của 12 tháng tiếp theo; vốn nhàn rỗi (kể cả vốn điều lệ chưa sử dụng) được gửi có kỳ hạn tại tối thiểu 03 ngân hàng thương mại đủ điều kiện theo nguyên tắc cạnh tranh lãi suất, số dư tại một ngân hàng không vượt quá 30% tổng số dư tiền gửi của Quỹ. Đối với vốn huy động bằng ngoại tệ, Quỹ chịu rủi ro tỷ giá và phải áp dụng biện pháp phòng ngừa hoặc cho vay lại bằng cùng loại ngoại tệ.

Về tiếp nhận tài trợ, viện trợ và vốn nhận ủy thác: Quỹ trực tiếp tiếp nhận các khoản viện trợ không hoàn lại của nước ngoài theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức, ghi nhận trực tiếp vào nguồn vốn của Quỹ, không hạch toán qua ngân sách nhà nước; riêng viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thực hiện theo pháp luật về quản lý và sử dụng vốn ODA. Trước khi tiếp nhận tài trợ, viện trợ có ràng buộc mục tiêu hoặc vốn nhận ủy thác, Quỹ phải đánh giá mức độ phù hợp với chức năng, khả năng thực hiện điều kiện kèm theo, chi phí quản lý phát sinh và giới hạn nghĩa vụ, rủi ro; phí nhận ủy thác phải bảo đảm bù đắp đủ chi phí quản lý.

b. Về cho vay bán buôn và các nghiệp vụ sử dụng vốn khác

Vốn của Quỹ được sử dụng cho 08 nhóm nghiệp vụ, thống nhất với nhiệm vụ của Quỹ nêu tại Mục II.3 Tờ trình này: cho vay bán buôn cho tổ chức tín dụng tham gia; hỗ trợ lãi suất; tài trợ, đồng tài trợ; hỗ trợ kỹ thuật; hỗ trợ chuyển đổi thị trường; đầu tư theo mục tiêu chính sách; gửi vốn nhàn rỗi; và thực hiện nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương giao. Nghiệp vụ đầu tư theo mục tiêu chính sách chỉ được triển khai khi đáp ứng đồng thời ba điều kiện: Quỹ đã được cấp đủ vốn điều lệ; Bộ Công Thương đã ban hành đề án riêng (sau khi thống nhất với Bộ Tài chính, không phải trình Thủ tướng Chính phủ) xác định hình thức, đối tượng, nguồn vốn, giới hạn, thẩm quyền, định giá, cơ chế quản lý, thoái vốn, xử lý tổn thất và kiểm soát xung đột lợi ích; và Quỹ có bộ máy, quy trình đáp ứng yêu cầu quản lý khoản đầu tư; giá trị đầu tư vào một đối tượng không vượt quá 3% vốn chủ sở hữu thực có, thời hạn thoái vốn tối đa 07 năm.

Về cơ chế cho vay bán buôn: khác với cấu trúc ủy thác truyền thống, nguyên tắc cốt lõi của cơ chế này là tách bạch rủi ro tín dụng với nghĩa vụ hoàn trả đối với Quỹ. Tổ chức tín dụng tham gia vay vốn của Quỹ theo phương thức bán buôn để cho vay lại khách hàng (doanh nghiệp, tổ chức có dự án đầu tư tiết kiệm năng lượng), tự chịu trách nhiệm thẩm định, quyết định cho vay lại, giải ngân, thu hồi nợ và chịu toàn bộ rủi ro tín dụng đối với khách hàng; tuy nhiên, tổ chức tín dụng tham gia phải hoàn trả đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi cho Quỹ theo hợp đồng cho vay bán buôn, không phụ thuộc vào kết quả thu hồi nợ từ khách hàng. Nhờ cơ chế

này, Quỹ không phải trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với dư nợ cho vay lại khách hàng của tổ chức tín dụng tham gia (tổ chức tín dụng tham gia tự trích lập dự phòng theo quy định áp dụng đối với tổ chức tín dụng); Quỹ chỉ trích lập dự phòng đối với nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của tổ chức tín dụng tham gia khi tổ chức này chậm trả hoặc bị đặt vào kiểm soát đặc biệt. Lãi suất Quỹ cho tổ chức tín dụng tham gia vay và lãi suất tổ chức tín dụng tham gia cho khách hàng vay lại (lãi suất cho vay ưu đãi) đều không vượt quá lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước, mức cụ thể do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trong khung Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

Để bảo đảm an toàn và phân tán rủi ro: mức cho vay bán buôn đối với một dự án không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của dự án; tổng dư nợ cho vay bán buôn đối với một khách hàng (tính qua tổ chức tín dụng tham gia) và người có liên quan không vượt quá 10% vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ; khi Quỹ có từ 03 tổ chức tín dụng tham gia trở lên, tổng dư nợ cho vay bán buôn đối với một tổ chức tín dụng tham gia không vượt quá 40% tổng dư nợ cho vay bán buôn của Quỹ, nhằm tránh tập trung rủi ro vào một đầu mối; thời hạn cho vay lại tối đa 10 năm, ân hạn tối đa 02 năm.

Về cơ chế chi hỗ trợ không hoàn lại, dự thảo tách bạch ba nhóm theo đúng bản chất và căn cứ thanh toán, cùng sử dụng trong phạm vi tối đa 10% vốn điều lệ đã cấp nêu tại điểm a trên:

(i) hỗ trợ lãi suất - mức hỗ trợ 02%/năm tính trên dư nợ vay thực tế được giải ngân, thời gian hỗ trợ tối đa 03 năm, tổng mức hỗ trợ không vượt quá 30% tổng lãi vay phải trả; Quỹ trực tiếp chi trả hoặc ủy thác cho tổ chức tín dụng tham gia chi trả;

(ii) tài trợ, đồng tài trợ - mức tài trợ một hoạt động không vượt quá 30% tổng chi phí hợp lệ, giải ngân theo tiến độ, giữ lại tối thiểu 20% đến khi nghiệm thu kết quả cuối cùng;

(iii) hỗ trợ kỹ thuật - theo một trong hai phương thức: Quỹ trực tiếp mua, thuê dịch vụ (thanh toán theo hợp đồng, nghiệm thu) hoặc hỗ trợ một phần chi phí dịch vụ do đối tượng thụ hưởng trực tiếp thuê (không vượt quá 50% chi phí hợp lệ); và hỗ trợ chuyển đổi thị trường - chi theo chương trình, nhiệm vụ với dự toán và kết quả đầu ra được duyệt. Không sử dụng vốn huy động cho các khoản chi hỗ trợ không hoàn lại này.

c. Về bảo toàn vốn, quản trị rủi ro, doanh thu - chi phí và phân phối kết quả

Phạm vi bảo toàn vốn là vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp và phần vốn chủ sở hữu không có ràng buộc mục tiêu; nguồn vốn có ràng buộc mục tiêu và vốn nhận ủy thác không thuộc phạm vi đánh giá bảo toàn vốn. Quỹ bảo toàn vốn thông qua cơ chế cho vay bán buôn (chuyển giao rủi ro tín dụng khách hàng cuối cho tổ chức tín dụng tham gia trong khi vẫn bảo đảm nghĩa vụ hoàn trả của tổ chức này đối với Quỹ), tuân thủ các giới hạn an toàn, trích lập dự phòng rủi ro

đối với phần vốn Quỹ trực tiếp chịu rủi ro, quản lý thanh khoản, rủi ro tỷ giá và mua bảo hiểm tài sản theo quy định.

Về khung quản trị rủi ro tổng thể: Hội đồng quản lý Quỹ ban hành khung quản trị rủi ro (tín dụng, thanh khoản, tỷ giá, lãi suất, hoạt động), trong đó tổng mức rủi ro chấp nhận được của toàn Quỹ - xác định bằng tổng giá trị tổn thất dự kiến tối đa trong một năm - không vượt quá 10% vốn chủ sở hữu thực có thuộc phạm vi bảo toàn vốn; ngưỡng cảnh báo được đặt ở mức 80% của mỗi giới hạn an toàn, khi đạt ngưỡng Giám đốc Quỹ phải báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trong 10 ngày làm việc, khi vượt giới hạn Quỹ dừng phát sinh nghiệp vụ mới làm tăng chỉ tiêu đó. Thẩm quyền xử lý rủi ro được phân cấp theo tỷ lệ vốn điều lệ thực có của Quỹ đối với từng khoản tổn thất và tổng mức tổn thất trong năm: Giám đốc Quỹ quyết định trong hạn mức thấp nhất; vượt hạn mức đó, Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trong hạn mức cao hơn; vượt hạn mức của Hội đồng quản lý, Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định sau khi có ý kiến Bộ Tài chính. Dự thảo bổ sung quy định về kiểm soát xung đột lợi ích: thành viên Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ và người có liên quan phải kê khai lợi ích liên quan, không tham gia thẩm định, quyết định khi có lợi ích liên quan; trường hợp tổ chức tín dụng tham gia hoặc tổ chức chuyên môn vừa thực hiện nghiệp vụ cho Quỹ vừa có quan hệ thương mại với đối tượng được hỗ trợ, phải công khai quan hệ đó và áp dụng kiểm soát độc lập.

Về doanh thu, chi phí và phân phối kết quả: doanh thu của Quỹ gồm lãi cho vay bán buôn, lãi tiền gửi của vốn chủ sở hữu, phí nhận ủy thác, thu từ đầu tư theo mục tiêu chính sách và các khoản thu hợp pháp khác. Quỹ tự bảo đảm chi phí vận hành bộ máy (Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Cơ quan điều hành) từ doanh thu; trong 05 năm đầu kể từ khi Quỹ đi vào hoạt động, được sử dụng thêm nguồn tài trợ, viện trợ quốc tế theo thỏa thuận với nhà tài trợ; ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Quỹ; không sử dụng vốn điều lệ, vốn huy động, vốn nhận ủy thác để chi phí vận hành bộ máy. Chênh lệch thu chi dương hằng năm, sau khi bù lỗ lũy kế (nếu có), được phân phối theo thứ tự: trích 10% lập quỹ dự phòng tài chính cho đến khi số dư quỹ này bằng 25% vốn điều lệ; trích tối đa 50% bổ sung nguồn thực hiện hỗ trợ lãi suất, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ chuyển đổi thị trường của năm kế hoạch; trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa 01 tháng lương cho người làm việc chuyên trách; phần còn lại bổ sung vốn hoạt động của Quỹ, trong đó ưu tiên hoàn bù phần vốn điều lệ đã sử dụng cho các nghiệp vụ hỗ trợ.

Về phân cấp thẩm quyền: các tham số ảnh hưởng trực tiếp đến mức ưu đãi, giới hạn an toàn và phân phối kết quả - gồm: giới hạn sử dụng vốn điều lệ cho các nghiệp vụ ngoài cho vay bán buôn; giới hạn huy động vốn; mức trần lãi suất cho vay ưu đãi và các giới hạn an toàn trong cho vay bán buôn (mức cho vay một dự án, một khách hàng, một tổ chức tín dụng tham gia); mức, thời gian và trần hỗ trợ lãi suất; mức trần tài trợ; giới hạn đầu tư theo mục tiêu chính sách; tổng mức rủi ro chấp nhận được; mức phân cấp thẩm quyền xử lý rủi ro; thời hạn sử dụng nguồn tài trợ quốc tế cho chi phí vận hành; và tỷ lệ phân phối chênh lệch thu chi - do

Thủ tướng Chính phủ quyết định tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định và chỉ được điều chỉnh khi sửa đổi Quy định; các tham số kỹ thuật, điều hành khác (danh mục loại hình dự án, tiêu chí kỹ thuật về tiết kiệm năng lượng, tiêu chí lựa chọn tổ chức tín dụng tham gia) do Bộ trưởng Bộ Công Thương (sau khi thống nhất với Bộ Tài chính) hoặc Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trong khung đã được phê duyệt.

d. Về kế hoạch tài chính, kế toán, báo cáo, giám sát và công khai

Hằng năm, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch tài chính; Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt trên cơ sở ý kiến của Bộ Công Thương, trước ngày 15 tháng 11 năm trước năm kế hoạch. Quỹ tổ chức công tác kế toán theo Luật Kế toán và pháp luật có liên quan, mở sổ theo dõi riêng từng nguồn vốn, từng chương trình, dự án. Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính theo định kỳ và đột xuất; tổ chức tín dụng tham gia, tổ chức chuyên môn xác nhận kỹ thuật, đơn vị thực hiện chương trình và đối tượng thụ hưởng đều có trách nhiệm cung cấp dữ liệu, báo cáo tương ứng, gắn với chế tài đình chỉ, thu hồi khi vi phạm. Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán độc lập trước khi trình phê duyệt quyết toán; Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ Công Thương, thanh tra tài chính của Bộ Tài chính và kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Song song với giám sát tài chính, Quỹ theo dõi, đo lường và báo cáo kết quả chính sách theo bộ chỉ tiêu do Bộ Công Thương ban hành (mức năng lượng tiết kiệm, mức giảm phát thải khí nhà kính, số đối tượng được hỗ trợ, vốn tư nhân huy động thêm), làm căn cứ đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và điều chỉnh kế hoạch tài chính năm tiếp theo. Quỹ công khai trên cổng thông tin điện tử của Quỹ hoặc của Bộ Công Thương: kế hoạch và báo cáo tài chính năm đã kiểm toán; vốn và danh mục dự án được hỗ trợ; lãi suất, mức hỗ trợ, điều kiện, đối tượng được hỗ trợ; kết quả lựa chọn tổ chức tín dụng tham gia; và kết quả chính sách nêu trên.

Cơ sở pháp lý, thông lệ quốc tế và luận giải chi tiết cho cơ chế quản lý tài chính nêu trên, bao gồm cơ sở xác định từng tỷ lệ, tham số định lượng cụ thể, được trình bày đầy đủ tại Bảng thuyết minh nội dung Quyết định kèm theo Tờ trình này. Toàn văn dự thảo Quyết định và Quy định ban hành kèm theo (Quyết định 05 điều; Quy định 46 điều, 06 chương) được gửi kèm theo Tờ trình này thành văn bản riêng.

e. Nguồn bảo đảm chi phí vận hành bộ máy, mô hình tài chính và phương án tự chủ tài chính của Quỹ.

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Quỹ tự bảo đảm chi phí vận hành bộ máy; ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Quỹ (khoản 10 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước; khoản 3 Điều 2 dự thảo Quyết định; Điều 38 dự thảo Quy định). Công chức, viên chức của Bộ Công Thương làm việc theo chế độ kiêm nhiệm tại Quỹ hưởng lương tại cơ quan, đơn vị nơi đang công tác; phụ cấp kiêm nhiệm và tiền lương của Kế toán trưởng làm việc theo chế độ chuyên trách được chi từ nguồn chi phí vận hành bộ máy của Quỹ. Mô hình tài chính và phương án tự chủ tài chính của Quỹ như sau:

- Tác động đến ngân sách nhà nước: ngân sách nhà nước chỉ cấp vốn điều lệ 500 tỷ đồng từ nguồn vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của Bộ Công Thương; không phát sinh nhiệm vụ chi thường xuyên cho hoạt động của Quỹ.

- Nguồn thu giai đoạn đầu: lãi tiền gửi trên phần vốn điều lệ chưa giải ngân. Ví dụ, với 100 tỷ đồng vốn điều lệ được cấp năm đầu và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn bình quân của các ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ tại thời điểm lập Tờ trình là 4,5%/năm, thu lãi tiền gửi đạt khoảng 4,5 tỷ đồng/năm trước khi giải ngân cho vay.

- Nguồn thu khi đi vào hoạt động ổn định: lãi cho vay bán buôn (được Hội đồng quản lý Quỹ xác định bảo đảm bù đắp chi phí huy động vốn và chi phí nghiệp vụ của Quỹ - điểm a khoản 3 Điều 26 dự thảo Quy định), lãi tiền gửi và phí nhận ủy thác.

- Nguồn bổ sung trong 05 năm đầu: tài trợ, viện trợ quốc tế có mục tiêu hỗ trợ thành lập, xây dựng năng lực và vận hành Quỹ theo thỏa thuận với nhà tài trợ (điểm b khoản 3 Điều 38 dự thảo Quy định); các đối tác phát triển thường bố trí nguồn hỗ trợ kỹ thuật cho giai đoạn thành lập của quỹ tài chính chuyên ngành.

- Chi phí vận hành: bộ máy tinh gọn, các chức danh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chỉ Kế toán trưởng làm việc chuyên trách; quy mô chi phí vận hành hằng năm do Cơ quan điều hành Quỹ xác định trong kế hoạch tài chính năm sau khi Quỹ được thành lập, phù hợp với quy mô hoạt động và khả năng nguồn thu (khoản 5 Điều 38, Điều 40 dự thảo Quy định).

- Nghĩa vụ thuế: Quỹ thực hiện nghĩa vụ thuế đối với thu lãi cho vay bán buôn, lãi tiền gửi, phí nhận ủy thác và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật về thuế.

Nội dung chi phí vận hành bộ máy của Quỹ (khoản 1 Điều 38 dự thảo Quy định) gồm:

- Tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương đối với người làm việc theo chế độ chuyên trách (Kế toán trưởng);

- Phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp trách nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản lý, thành viên Ban Kiểm soát và người làm việc theo chế độ kiêm nhiệm;

- Chi hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành, chi hành chính, công tác phí, hội nghị, văn phòng phẩm, điện, nước, thông tin liên lạc;

- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản; xây dựng, duy trì và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm phục vụ công tác quản lý;

- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Các khoản chi này được xác định trong kế hoạch tài chính năm của Quỹ, được bảo đảm từ doanh thu của Quỹ và nguồn tài trợ, viện trợ quốc tế nêu trên; không sử dụng vốn điều lệ, vốn huy động, vốn nhận ủy thác để chi phí vận hành bộ máy (khoản 4, khoản 5 Điều 38 dự thảo Quy định).

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA, BAN HÀNH

1. Nguồn lực tài chính

Nguồn vốn điều lệ Quỹ được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn; Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện không phải hoàn trả của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn huy động từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Chi phí vận hành bộ máy của Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành Quỹ do Quỹ tự bảo đảm từ doanh thu và nguồn tài trợ, viện trợ quốc tế theo thỏa thuận với nhà tài trợ trong 05 năm đầu; ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Quỹ.

Ngoài ra, Quỹ phối hợp với Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các dự án hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế trong triển khai các hoạt động, bảo đảm không trùng lặp nội dung hỗ trợ.

2. Nguồn lực con người

Bộ Công Thương đã ra quyết định thành lập, tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Quỹ Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Cơ quan chủ trì, soạn thảo đã tập hợp nhóm chuyên gia hỗ trợ từ các đơn vị thuộc Bộ, các chuyên gia trong nước và quốc tế thực hiện nghiên cứu, đánh giá cơ sở pháp lý tại Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế và kinh nghiệm triển khai các dự án thí điểm về thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại Việt Nam để hoàn thiện Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ và Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thành lập Quỹ Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam.

Bộ Công Thương cũng tổ chức khảo sát, tìm hiểu đội ngũ chuyên gia hiệu quả năng lượng, hợp tác quốc tế tại Bộ, các cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, chuyên gia về quản lý, tài chính của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan để đảm bảo nguồn lực con người khi thành lập các cơ cấu quản lý như Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành Quỹ.

3. Kế hoạch xây dựng và trình văn bản

Kế hoạch xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ như sau:

- Soạn thảo dự thảo các văn bản (Tờ trình, Quyết định, Bảng thuyết minh…), xin ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức hội thảo tại Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội lấy ý kiến các Bộ, ngành, các địa phương và các doanh nghiệp: Tháng 7-10/2026.

- Thiết kế cơ cấu tổ chức, quản trị Quỹ: Xây dựng và mô tả chi tiết vị trí công việc của các chức danh chủ chốt; Điều lệ hoạt động, các quy trình báo cáo, cơ chế ra quyết định, quy trình phê duyệt dự án, quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ;

xây dựng bộ văn bản quản lý (sổ tay vận hành): cơ chế quản lý tài chính - kế toán, đầu tư, hợp đồng, mua sắm, giải ngân, ủy thác, nhận ủy thác, báo cáo: Tháng 7-10/2026.

- Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thành lập Quỹ: Tháng 12/2026.

VI. MỘT SỐ NỘI DUNG CẦN XIN Ý KIẾN

Dự thảo Quyết định và Quy định ban hành kèm theo (Quyết định 05 điều; Quy định 46 điều, 06 chương) gửi kèm theo Tờ trình này đã được Bộ Công Thương hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu ý kiến các bộ, ngành và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, không còn nội dung để ở dạng phương án cần lựa chọn. Bộ Công Thương kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ một số nội dung, tham số quan trọng cần lưu ý khi xem xét, phê duyệt như sau:

1. Các tham số tài chính chủ yếu thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo khoản 3 Điều 36 dự thảo Quy định, chỉ được điều chỉnh khi sửa đổi Quy định, gồm: giới hạn sử dụng vốn điều lệ (tối đa 10% vốn điều lệ đã cấp, tính lũy kế, cho các nghiệp vụ ngoài cho vay bán buôn - khoản 2 Điều 21); giới hạn huy động vốn (tối đa 03 lần vốn chủ sở hữu thực có - khoản 5 Điều 23); mức trần lãi suất cho vay ưu đãi của tổ chức tín dụng tham gia đối với khách hàng (không vượt quá lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước - điểm b khoản 3 Điều 26); các giới hạn an toàn trong cho vay bán buôn (mức cho vay một dự án tối đa 70% tổng mức đầu tư, giới hạn đối với một khách hàng tối đa 10% vốn chủ sở hữu, giới hạn đối với một tổ chức tín dụng tham gia tối đa 40% tổng dư nợ cho vay bán buôn khi Quỹ có từ 03 tổ chức tín dụng tham gia trở lên - điểm a, điểm b và điểm d khoản 5 Điều 26); mức và thời gian hỗ trợ lãi suất (02%/năm, tối đa 03 năm, trần 30% tổng lãi vay phải trả - khoản 4 Điều 27); mức trần tài trợ (30% tổng chi phí hợp lệ một hoạt động - khoản 4 Điều 28); giới hạn đầu tư theo mục tiêu chính sách (3% vốn chủ sở hữu thực có với một đối tượng - khoản 4 Điều 30); tổng mức rủi ro chấp nhận được (10% vốn chủ sở hữu thực có thuộc phạm vi bảo toàn vốn - khoản 2 Điều 33); mức phân cấp thẩm quyền xử lý rủi ro (khoản 3 Điều 35); thời hạn sử dụng nguồn tài trợ quốc tế cho chi phí vận hành trong 05 năm đầu Quỹ đi vào hoạt động (điểm b khoản 3 Điều 38); và tỷ lệ phân phối chênh lệch thu chi (trích 10% lập quỹ dự phòng tài chính cho đến khi số dư quỹ này bằng 25% vốn điều lệ, trích tối đa 50% bổ sung nguồn hỗ trợ - khoản 2 Điều 39). Các tham số này đã được thuyết minh cơ sở đề xuất tại Bảng thuyết minh nội dung Quyết định, Quy định kèm theo.

2. Về cơ chế cho phép sử dụng tối đa 10% vốn điều lệ đã cấp (tính lũy kế) làm nguồn chi hỗ trợ lãi suất, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ chuyển đổi thị trường và đầu tư theo mục tiêu chính sách: đây là quy định khung tại Quy định kèm theo Quyết định; hạn mức sử dụng hằng năm và việc phân bổ cho từng nghiệp vụ trong phạm vi 10% này được xác định trong kế hoạch tài chính năm của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt trên cơ sở ý kiến của Bộ Công Thương (khoản 3 Điều 21, khoản 2 Điều 40), không phải trình Thủ tướng Chính phủ đối với từng lần phân bổ.

3. Về nghiệp vụ đầu tư theo mục tiêu chính sách (Điều 30 dự thảo Quy định): chỉ được triển khai sau khi Quỹ được cấp đủ vốn điều lệ và Bộ Công Thương ban hành đề án riêng (sau khi thống nhất với Bộ Tài chính) xác định hình thức, đối tượng, giới hạn, thẩm quyền và biện pháp kiểm soát rủi ro; thẩm quyền ban hành đề án này thuộc Bộ Công Thương, không phải trình Thủ tướng Chính phủ.

4. Về mức phân cấp thẩm quyền xử lý rủi ro (khoản 3 Điều 35 dự thảo Quy định): trên cơ sở rà soát thông lệ của các quỹ, ngân hàng chính sách có mô hình tương tự (Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam) và đối chiếu với các giới hạn an toàn đã xác lập tại chính dự thảo Quy định (mức cho vay một khách hàng, tổng mức rủi ro chấp nhận được của Quỹ), Bộ Công Thương đề xuất phân cấp theo tỷ lệ vốn điều lệ thực có - tự động điều chỉnh theo quy mô vốn điều lệ của Quỹ qua từng thời kỳ, không phải sửa Quyết định mỗi khi vốn điều lệ thay đổi. Cụ thể: i) Giám đốc Quỹ quyết định từng khoản tổn thất không vượt quá 0,1% vốn điều lệ thực có (tổng mức trong năm không vượt quá 1%); ii) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định từng khoản trên mức của Giám đốc đến không quá 2% vốn điều lệ thực có (tổng mức trong năm, kể cả phần đã phân cấp cho Giám đốc, không vượt quá 50% tổng mức rủi ro chấp nhận được của Quỹ trong năm theo khoản 2 Điều 33); iii) Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định các trường hợp vượt thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ hoặc khi tổng mức tổn thất trong năm có nguy cơ vượt tổng mức rủi ro chấp nhận được của Quỹ, sau khi lấy ý kiến Bộ Tài chính. Do mức phân cấp này đã được quy định cụ thể ngay tại dự thảo Quy định (khoản 3 Điều 35), Bộ Công Thương đề xuất đưa tham số này vào nhóm tham số do Thủ tướng Chính phủ quyết định tại khoản 3 Điều 36, thay vì nhóm tham số do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định như dự thảo trước đây.

5. Về nguồn bảo đảm chi phí vận hành bộ máy: tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, dự thảo không quy định ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí của bộ máy quản lý Quỹ trong 05 năm đầu như đề xuất tại hồ sơ lấy ý kiến lần 1. Quỹ tự bảo đảm chi phí vận hành từ doanh thu và nguồn tài trợ, viện trợ quốc tế theo thỏa thuận với nhà tài trợ trong 05 năm đầu; bộ máy tổ chức tinh gọn, các chức danh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (trừ Kế toán trưởng), phù hợp với khả năng nguồn thu giai đoạn đầu (mô hình tài chính, phương án tự chủ tài chính nêu tại điểm e mục 3.4 Phần IV Tờ trình này).

6. Về hiệu lực thi hành: dự thảo Quyết định đề xuất có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 và thay thế việc ban hành riêng cơ chế quản lý tài chính của Quỹ, bảo đảm đồng bộ với lộ trình cấp vốn điều lệ nêu tại Mục IV.3.a Tờ trình này.

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, Bộ Công Thương kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định:

1. Phê duyệt thành lập Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trực thuộc Bộ Công Thương theo mô hình, cơ cấu tổ chức và nội dung nêu tại Tờ trình này.

2. Xem xét, ký ban hành Quyết định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ và quy định ban hành kèm theo (Quyết định 05 điều; Quy định 46 điều, 06 chương) gửi kèm theo Tờ trình này, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, trên cơ sở lưu ý các nội dung nêu tại Mục VI Tờ trình này.

3. Giao Bộ Công Thương bố trí vốn điều lệ cho Quỹ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch đầu tư công hằng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công; giao Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan phối hợp với Bộ Công Thương trong quá trình tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Quyết định thành lập, tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Bộ Công Thương kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Lưu: VT, NLDK.

BỘ TRƯỞNG

Lê Mạnh Hùng